Chương 5 Routing Information Protocol

□ GV : ThS.Nguyễn Duy

□ Email : duyn@uit.edu.vn

Nội Dung

□ RIPv1

□ RIPv2

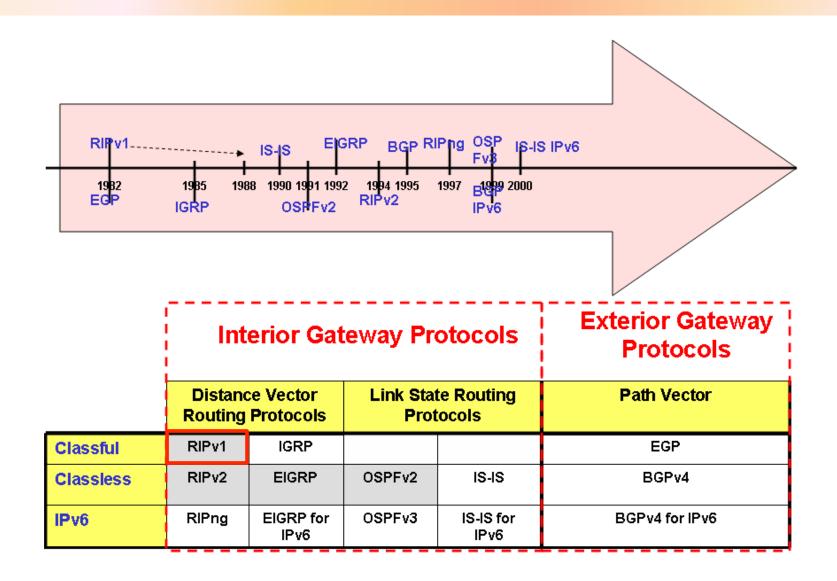
Nội Dung

□ RIPv1

□ RIPv2

- Đặc điểm của RIPv1
- Message của RIPv1
- □ Cơ chế hoạt động của RIPv1
- □ Cấu hình RIPv1
- Passive Interface
- □ Summarization trong RIPv1
- □ RIPv1, Static Route và Default Route

Quá trình phát triển của Routing Protocol



Đặc điểm của RIPv1

- □ Distance Vector (DV) Routing Protocol
- Classful routing protocol
- □ Metric = Hop Count
 - \square Max = 15 Hops
- □ Không hỗ trợ VLSM
- □ Cập nhật và gởi thông tin định tuyến cho Router láng giềng theo chu kỳ 30s
- □ Administrative Distance of RIP is 120

Data Link IP Packet UDP Segment RIP Message (512 Bytes; Up to 25 routes)	
--	--

Data Link Frame Header IP Packet Header UDP Segment Header

RIP Message (512 Bytes; Up to 25 routes)

Data Link Frame

MAC Destination Address = Broadcast: FF-FF-FF-FF

MAC Source Address = Address of sending interface

Data Link Frame Header IP Packet Header UDP Segment Header

RIP Message (512 Bytes; Up to 25 routes)

Data Link Frame

MAC Destination Address = Broadcast: FF-FF-FF-FF-FF

MAC Source Address = Address of sending interface

IP Packet

IP Source Address = Address of sending interface

IP Destination Address = Broadcast: 255.255.255.255

Protocol field = 17 for UDP

Data Link Frame Header IP Packet Header UDP Segment Header

RIP Message (512 Bytes; Up to 25 routes)

Data Link Frame

MAC Destination Address = Broadcast: FF-FF-FF-FF-FF

MAC Source Address = Address of sending interface

IP Packet

IP Source Address = Address of sending interface

IP Destination Address = Broadcast: 255.255.255.255

Protocol field = 17 for UDP

UDP Segment Source Port = 520 Destination Port = 520



Data Link Frame Header IP Packet Header UDP Segment Header

RIP Message (512 Bytes; Up to 25 routes)

Data Link Frame

MAC Destination Address = Broadcast: FF-FF-FF-FF-FF

MAC Source Address = Address of sending interface

IP Packet

IP Source Address = Address of sending interface

IP Destination Address = Broadcast: 255.255.255.255

Protocol field = 17 for UDP

UDP Segment Source Port = 520 Destination Port = 520

RIP Message:

Command: Request (1); Response (2)

Version = 1

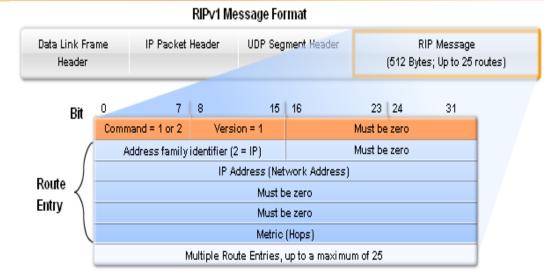
Routes: Network IP Address

Metric: Hop Count

Message của RIPv1

- RIP Header:
 - Command field
 - Version field
 - Must be zero

- □ Route Entry :
 - □ Address family identifier
 - □ IP address
 - □ Metric



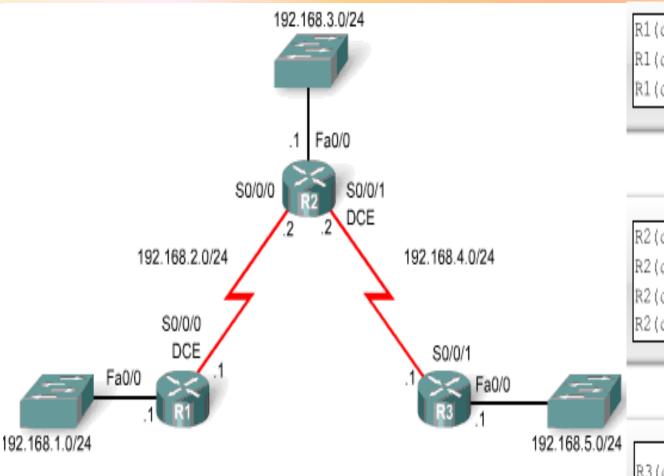
Command	1 for a Request or 2 for a Reply.
Version	1 for RIP v 1 or 2 for RIP v 2.
Address Family Identifier	2 for IP unless a Request is for the full routing table in which case, set to 0.
IP Address	The address of the destination route, which may be a network, subnet, or host address.
Metric	Hop count between 1 and 16. Sending router increases the metric before sending out message.

Cơ chế hoạt động của RIPv1

- RIPv1 sử dụng 2 loại message :
 - □ Request Message :
 - Được gởi đi mỗi khi Router khởi động
 - Chỉ được gởi trên interface bật RIP
 - Gởi yêu cầu đến tất cả các Router láng giềng đang chạy giao thức RIP
 về thông tin định tuyến
 - □ Response Message :
 - Nội dung bảng định tuyến được gởi đến Requesting Router

Cấu hình RIPv1





R1(config) #router rip R1(config-router) #network 192.168.1.0 R1(config-router) #network 192.168.2.0

R2(config)#router rip

R2(config-router)#network 192.168.2.0

R2(config-router) #network 192.168.3.0

R2(config-router)#network 192.168.4.0

R3(config) #router rip

R3(config-router)#network 192.168.4.0

R3(config-router)#network 192.168.5.0

GV.Nguyễn Duy

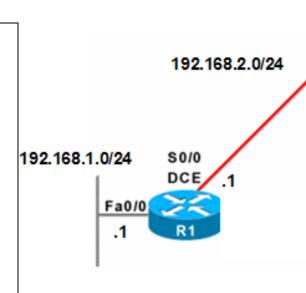
Passive Interface

□ Khi Interface trên Router được bật tính năng Passive Interface thì Interface đó chỉ có khả năng nhận thông tin định tuyến và không có khả năng gởi thông tin định tuyến

```
R1 (config) #router rip
R1 (config-router) #passive-interface fa 0/0

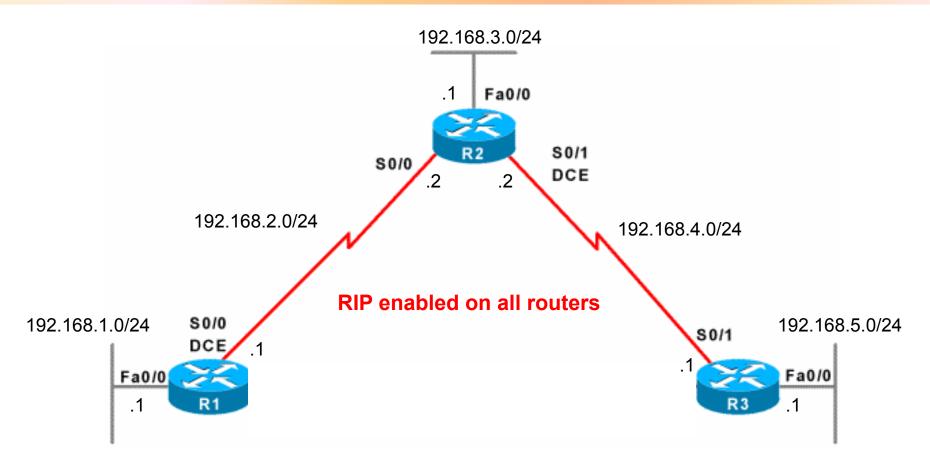
R2 (config) #router rip
R2 (config-router) #passive-interface fa 0/0

R3 (config) #router rip
R3 (config-router) #passive-interface fa 0/0
```

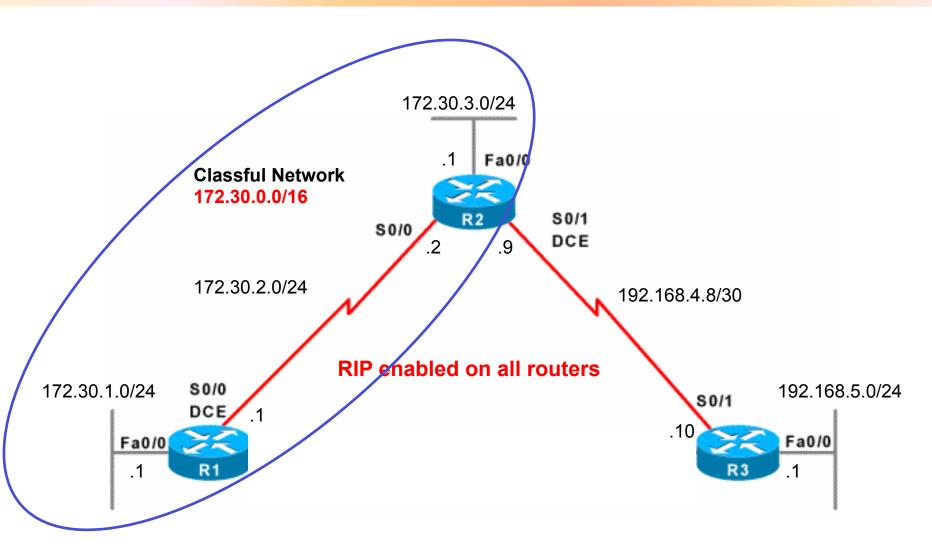


Passive Interface

```
R1#show ip protocols
Routing Protocol is "rip"
  Sending updates every 30 seconds, next due in 10 seconds
  Invalid after 180 seconds, hold down 180, flushed after 240
  Outgoing update filter list for all interfaces is not set
  Incoming update filter list for all interfaces is not set
 Redistributing: rip
  Default version control: send version 1, receive any version
   Interface
                         Send Recv Triggered RIP Key-chain
   Serial0/0
                         1 1 2
  Automatic network summarization is in effect
  Maximum path: 4
  Routing for Networks:
    192.168.1.0
    192.168.2.0
  Passive Interface(s):
   FastEthernet0/0
  Routing Information Sources:
   Gateway
                  Distance
                               Last Update
    192.168.2.2
                                00:00:04
  Distance: (default is 120)
R1#
```



```
R1
router rip
 network 192.168.1.0
network 192.168.2.0
passive-interface fa 0/0
R2
router rip
 network 192.168.2.0
network 192.168.3.0
network 192.168.4.0
passive-interface fa 0/0
R3
router rip
 network 192.168.4.0
network 192.168.5.0
passive-interface fa 0/0
```



```
R1#conf t
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
R1(config) #inter fa 0/0
R1(config-if) #ip add 172.30.1.1 255.255.255.0
R1(config-if) #exit
R1(config) #inter ser 0/0
R1(config-if) #ip add 172.30.2.1 255.255.255.0
R1(config-if) #exit
R1(config) #no router rip ! Removes RIP process
R1(config) #router rip
R1(config-router) #network 172.30.0.0
R1(config-router) #passive-interface fa 0/0
```

```
R1
interface FastEthernet0/0
 ip address 172.30.1.1 255.255.255.0
 duplex auto
 speed auto
interface Serial0/0
 ip address 172.30.2.1 255.255.255.0
 clockrate 64000
interface Serial0/1
 no ip address
 shutdown
router rip
 passive-interface FastEthernet0/0
 network 172.30.0.0
```

```
R2(config) #inter s 0/0
R2 (config-if) #ip add 172.30.2.2 255.255.255.0
R2(config-if)#exit
R2 (config) #inter fa 0/0
R2 (config-if) #ip add 172.30.3.1 255.255.255.0
R2 (config-if) #inter ser 0/1 ! No need for "exit"
R2 (config-if) #ip add 192.168.4.9 255.255.255.252
R2(config-if)#exit
R2 (config) #no router rip
R2 (config) #router rip
R2 (config-router) #network 172.30.2.0
R2 (config-router) #network 172.30.3.0
R2 (config-router) #network 192.168.4.8
R2 (config-router) #passive-interface fa 0/0
```

```
R2
interface FastEthernet0/0
 ip address 172.30.3.1 255.255.255.0
 duplex auto
speed auto
interface Serial0/0
 ip address 172.30.2.2 255.255.255.0
interface Serial0/1
 ip address 192.168.4.9 255.255.255.252
 clockrate 64000
router rip
passive-interface FastEthernet0/0
 network 172.30.0.0
 network 192.168.4.0
```

```
R3(config)#inter fa 0/0
R3(config-if) #ip add 192.168.5.1 255.255.255.0
R3(config-if)#exit
R3(config) #inter ser 0/1
R3(config-if) #ip add 192.168.4.10 255.255.255.252
R3(config-if)#exit
R3(config) #no router rip
R3(config) #router rip
R3 (config-router) #network 192.168.4.0
R3 (config-router) #network 192.168.5.0
R3 (config-router) #passive-interface fa 0/0
```

```
R3
interface FastEthernet0/0
 ip address 192.168.5.1 255.255.255.0
 duplex auto
 speed auto
interface Serial0/1
 ip address 192.168.4.10 255.255.255.252
router rip
passive-interface FastEthernet0/0
 network 192.168.4.0
 network 192.168.5.0
```

```
R2#show ip route
Codes: C - connected, S - static, I - IGRP, R - RIP, M - mobile,

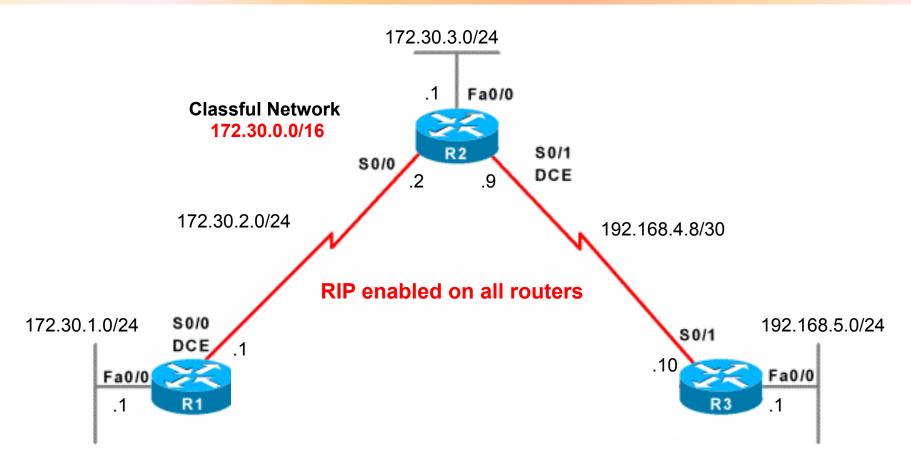
172.30.0.0/24 is subnetted, 3 subnets
C 172.30.2.0 is directly connected, Serial0/0
C 172.30.3.0 is directly connected, FastEthernet0/0
R 172.30.1.0 [120/1] via 172.30.2.1, 00:00:17, Serial0/0
192.168.4.0/30 is subnetted, 1 subnets
C 192.168.4.8 is directly connected, Serial0/1
R 192.168.5.0/24 [120/1] via 192.168.4.10, 00:00:04, Serial0/1
R2#
```

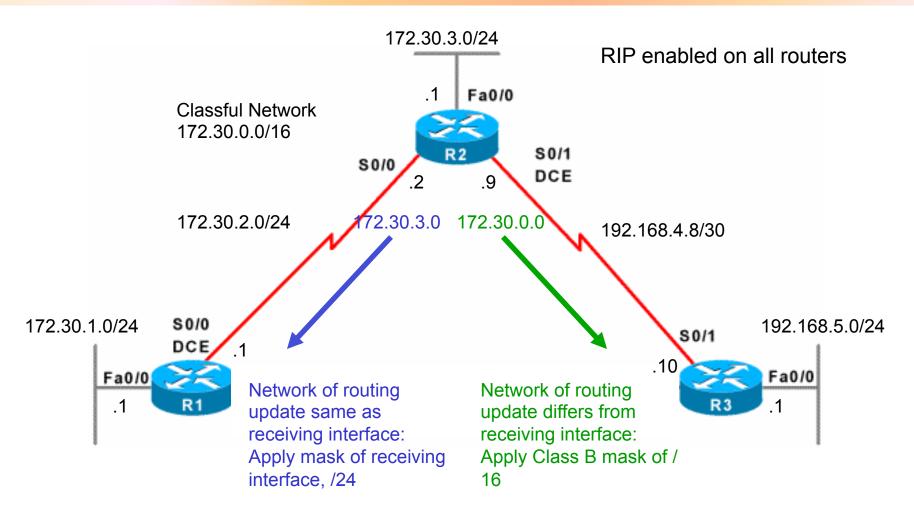
```
R3#show ip route
Codes: C - connected, S - static, I - IGRP, R - RIP, M - mobile,

R 172.30.0.0/16 [120/1] via 192.168.4.9, 00:00:00, Serial0/1
192.168.4.0/30 is subnetted, 1 subnets
C 192.168.4.8 is directly connected, Serial0/1
C 192.168.5.0/24 is directly connected, FastEthernet0/0
R3#
```

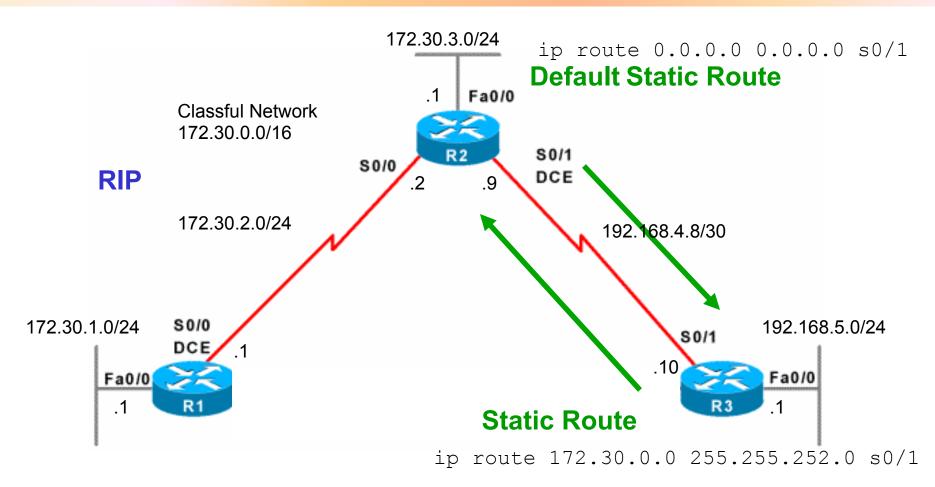
- No routes to subnets from 172.30.0.0/16:
 - **-** 172.30.1.0/24
 - **-** 172.30.2.0/24
 - **-** 172.30.3.0/24
- Summary Route to 172.30.0.0/16

Summarization trong RIPv1: Boundary Router



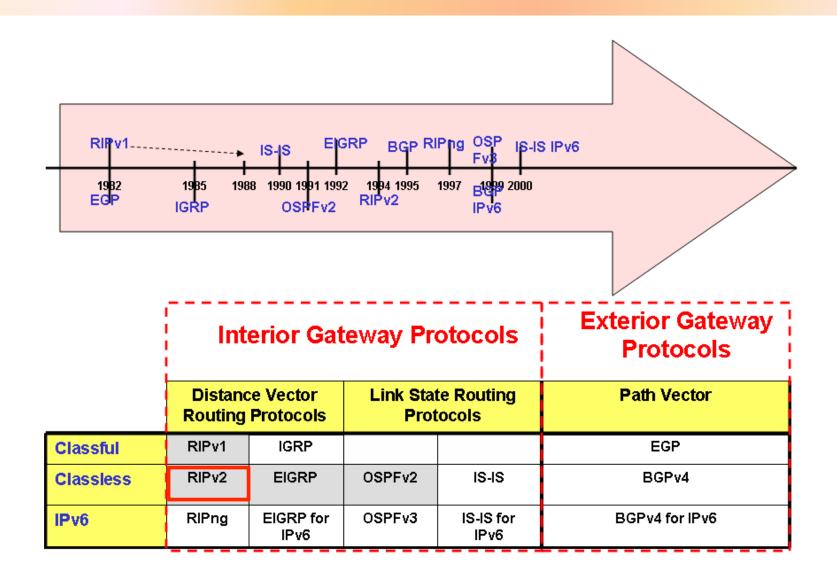


RIPv1, Static Route và Default Route



- Đặc điểm của RIPv2
- □ Message của RIPv2
- □ Cơ chế hoạt động của RIPv2
- □ Cấu hình RIPv2
- □ Summarization trong RIPv2

Quá trình phát triển của Routing Protocol



Đặc điểm của RIPv2

- □ Distance Vector (DV) Routing Protocol
- Classless routing protocol
- Metric = Hop Count
 - \square Max = 15 Hops
- □ Hỗ trợ VLSM
- □ Cập nhật và gởi thông tin định tuyến cho Router láng giềng theo chu kỳ 30s
- Administrative Distance of RIP is 120

Message của RIPv2

	0 7	8 15	16 23	24 31
	Command = $1 \text{ or } 2$	Version = 1	Must	be zero
	Address family identifier $(2 = IP)$		Must be zero	
	IP Address (Network Address)			
RIPv1	Must be zero			
1 (11)	Must be zero			
	Metric (Hops)			
	Multiple Route Entries, up to a maximum of 25			

	0 7	8 15	16 23 24 31			
	Command = $1 \text{ or } 2$	Version = 2	Must be zero			
	Address family identifier (2 = IP)		Route Tag			
	IP Address (Network Address)					
RIPv2	Subnet Mask					
1 XII VZ	Next Hop					
	Metric (Hops)					
	Multiple Route Entries, up to a maximum of 25					

Cơ chế hoạt động của RIPv2

- RIPv2 sử dụng 2 loại message :
 - □ Request Message :
 - Được gởi đi mỗi khi Router khởi động
 - Chỉ được gởi trên interface bật RIP
 - Gởi yêu cầu đến tất cả các Router láng giềng đang chạy giao thức RIP
 về thông tin định tuyến
 - □ Respondse Message :
 - Nội dung bảng định tuyến được gởi đến Requesting Router

Cấu hình RIPv2

RIPv2

Router# config t

Router(config)#)#router rip

Router(config)#version 2

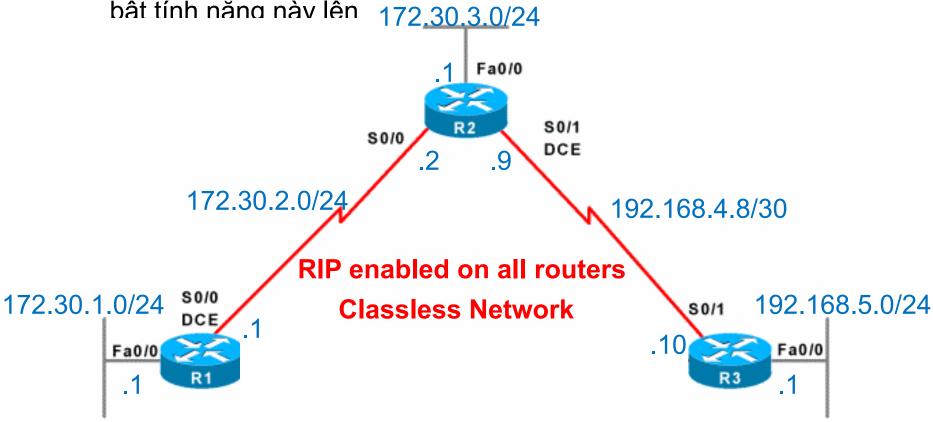
Router(config)#network network_ID

Router(config)#network network_ID

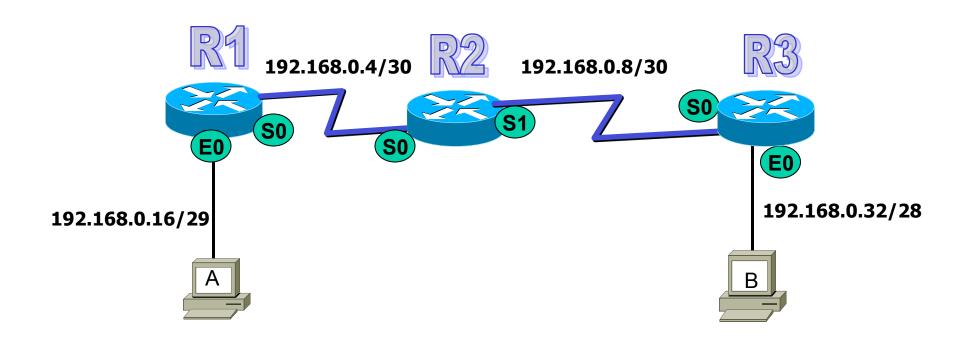
Router(config)#no auto-summary

RIPv2

□ No Summarization mặc định không được bật lên trong RIPv2.
Vì vậy khi cấu hình phải dùng câu lệnh "no auto-summary" để bật tính năng nàv lên 172.30.3.0/24

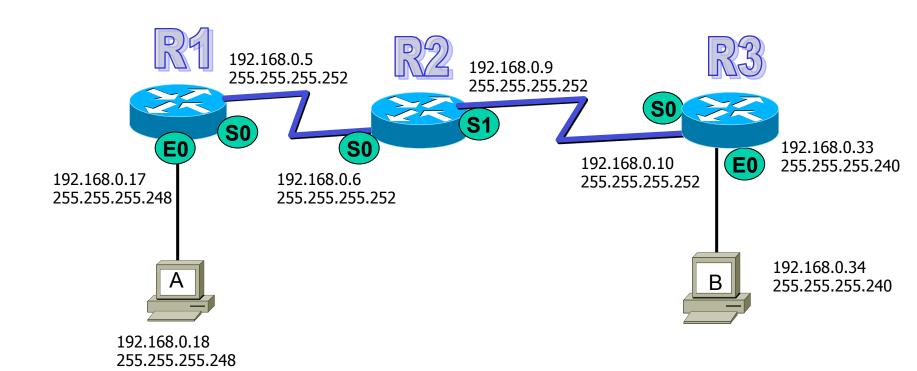


Exercise - RIP Version 2 Configuration

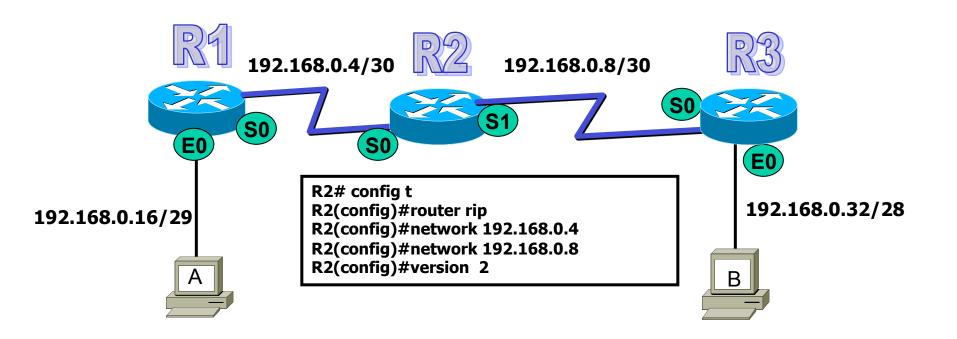


1. Find out the IP Address and SNM of each interfaces

Exercise - RIP Version 2 Configuration



Exercise - RIP Version 2 Configuration



R1# config t
R1(config)#)#router rip
R1(config)#network 192.168.0.4
R1(config)#network 192.168.0.16
R1(config)#version 2

R3# config t
R3(config)#)#router rip
R3(config)#network 192.168.0.8
R3(config)#network 192.168.0.32
R3(config)#version 2

Câu hỏi ôn tập

- 1) Tính năng auto-summary trong RIPv1 nghĩa là gì?
- 2) So sánh RIPv1 và RIPv2